

Ứng phó của phụ nữ với thiên tai và biến đổi khí hậu

Đặng Thanh Nhàn

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa trên nguồn số liệu đề tài nghiên cứu “Nhận thức và ứng phó với biến đổi khí hậu của phụ nữ vùng duyên hải Bắc bộ - Nghiên cứu trường hợp xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng”, được thực hiện năm 2015, bài viết tìm hiểu nhận thức và ứng phó của phụ nữ với biến đổi khí hậu (BĐKH) và các yếu tố tác động. Kết quả nghiên cứu cho thấy phụ nữ có vai trò rất quan trọng trong công tác ứng phó BĐKH, tham gia vào nhiều công việc mang tính chất khắc phục và giảm nhẹ tác động của rủi ro thiên tai. Ứng phó với BĐKH của phụ nữ phụ thuộc vào nghề nghiệp, mức độ ảnh hưởng của BĐKH và năng lực thích ứng của họ. Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp lẫn các công việc chăm sóc gia đình, người phụ nữ đều có tỷ lệ tham gia các hoạt động ứng phó cao hơn so với nam giới. Tuy nhiên bất bình đẳng giới trong phân công lao động việc nhà và học vấn thấp là yếu tố hạn chế năng lực ứng phó của phụ nữ với BĐKH.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; Thiên tai; Ứng phó; Giới; Phụ nữ.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong các quốc gia dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu (BĐKH), là nước đứng thứ 7 trong Báo

cáo về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu được công bố năm 2015, theo đánh giá những thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra trong giai đoạn 1994 – 2013. Với phần lớn dân số hiện đang sinh sống tại các lưu vực sông trũng và thấp, và các vùng bờ biển, dự kiến có hơn 70% dân số Việt Nam đang chịu ảnh hưởng của thiên tai. Trong những năm gần đây bão và lũ lụt diễn ra ngày càng thường xuyên, gây ra những thiệt hại về con người và ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế (UN Việt Nam, website ngày 05/09/2016).⁽¹⁾

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng BĐKH tác động khác nhau tới mọi người trong cộng đồng, phụ thuộc vào tính dễ bị tổn thương của mỗi nhóm xã hội, giới và quốc gia. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn, miền núi là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất bởi các thảm họa thiên nhiên. Hơn 60% phụ nữ Việt Nam lao động trong nông nghiệp, họ phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết và các nguồn tài nguyên tự nhiên như đất, nước, v.v.. Sự phân bố không đều về quyền, nguồn lực và các quy tắc tiêu chuẩn văn hoá cũng hạn chế nhiều khả năng của phụ nữ so với nam giới trong việc hành động ứng phó với BĐKH (OXFAM, UNDP, 2009).

Theo đánh giá của các chuyên gia, mặc dù phụ nữ có các năng lực và có các vai trò chủ chốt trong thích ứng BĐKH và quản lý thiên tai ở cấp địa phương, song lại không có địa vị bình đẳng trong các quyết định ở gia đình và cộng đồng có liên quan các vấn đề này (UN Việt Nam, 2009:10). Nhiều cơ quan liên quan tới quản lý rủi ro do thiên tai ở Việt Nam vẫn chủ yếu do nam giới làm chủ. Do vậy, chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với thiên tai chủ yếu được coi là “công việc của đàn ông” và tỷ lệ phụ nữ tham gia trong các quy trình ra quyết định liên quan tới quản lý rủi ro do thiên tai ở mọi cấp đều khá thấp (UN Việt Nam, 2013).

Do những định kiến về vai trò của nam giới và nữ giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH vẫn còn nặng nề nên các nỗ lực nhằm phục hồi và thích ứng, ví dụ như trong ngành nông nghiệp, được cho là chủ yếu để cập đến các thành viên nam trong gia đình, mặc dù thực tế nữ giới hóa đang ngày một gia tăng trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Đồng thời phụ nữ cũng được hưởng lợi ít hơn từ các chính sách và chương trình nhằm ứng phó với những biến đổi khí hậu (UN Việt Nam và OXFAM, 2013).

Nhằm làm rõ hơn nhận thức và vai trò của phụ nữ trong ứng phó với BĐKH trong hoạt động sản xuất cũng như trong đời sống của hộ gia đình, đồng thời xác định các yếu tố tác động đến khả năng ứng phó của phụ nữ với BĐKH, bài viết phân tích số liệu điều tra năm 2015 của đề tài nghiên

cứu “Nhận thức và ứng phó với biến đổi khí hậu của phụ nữ vùng duyên hải Bắc bộ - Nghiên cứu trường hợp xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng”.

2. Nguồn số liệu và phương pháp phân tích

Xã Đại Hợp là một xã ven biển nằm về phía Đông Nam huyện Kiến Thụy, với 4,2 km chiều dài giáp bờ biển. Kinh tế tại xã Đại Hợp hiện nay chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và khai thác đánh bắt thuỷ sản. Trong những năm gần đây các hiện tượng khí hậu cực đoan như nắng, nóng, rét đậm, bão, lụt... có nhiều diễn biến phức tạp, đe dọa trực tiếp đến sản xuất nông, ngư nghiệp ở địa phương.

Mẫu khảo sát định lượng là 202 hộ gia đình: nữ chiếm 50% số người trả lời (NTL); với các nhóm tuổi 21-35: 19,8% (40 người); 36-50: 43,6% (88 người) và 51-66: 36% (74 người); làm nông/ngư nghiệp: 58,4% (118 người); 41,6% là làm phi nông/ngư nghiệp (gồm: 14,9% đi làm thuê; 12,4% kinh doanh dịch vụ; 5,0% công nhân; 4,0% nội trợ; 2,0% cán bộ công nhân viên; 0,5% thợ thủ công và 3,0% là ngành nghề khác).

Về trình độ học vấn, đa số là trình độ THCS: 64,9%, trình độ từ tiểu học trở xuống chiếm 11,4%; THPT: 21,8 và 2,0% là cao đẳng, đại học trở lên.

Mẫu khảo sát định tính gồm 15 phỏng vấn sâu; 02 thảo luận nhóm người dân và đại diện các ban ngành của xã các bạn ngành của xã.

Bài viết phân tích tác động của một số yếu tố như nghề nghiệp, học vấn, tuổi, điều kiện sống... của phụ nữ (có phân tích theo giới để so sánh với nam) đến ứng phó của họ đối với thiên tai và biến đổi khí hậu qua mô hình hồi qui logistic và phân tích kết quả khảo sát định tính.

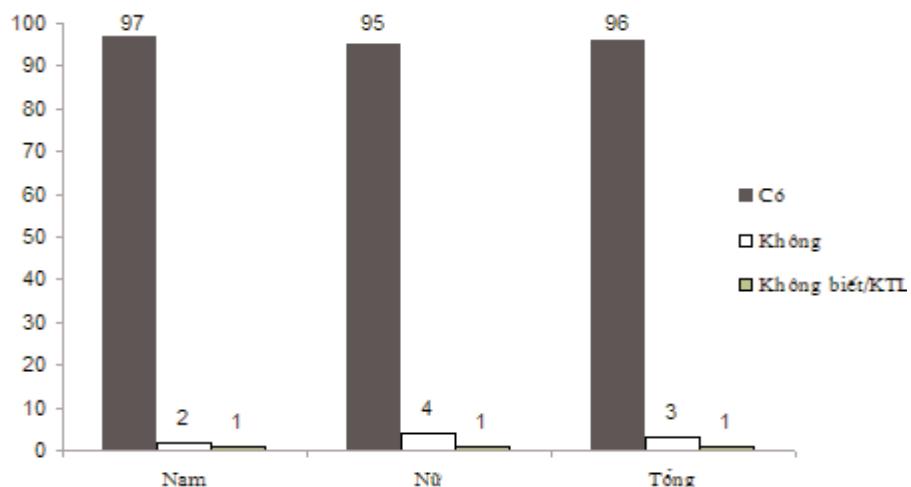
3. Một số kết quả chính

Ứng phó của phụ nữ với biến đổi khí hậu

Để đánh giá về nhận thức của phụ nữ ở địa bàn nghiên cứu về biến đổi khí hậu, chúng tôi đưa ra câu hỏi: “Ông/bà có cho rằng BĐKH đang xảy ra ở địa phương ông/bà đang sinh sống không?”; các phương án trả lời là (1) “Có”; (2) “Không”; và (9) “Không biết/Không trả lời”. Tỷ lệ người trả lời ở cả hai giới đều nhận là “Có” sự BĐKH ở địa phương là rất cao, 96,0%; chỉ có 3,0% cho rằng “Không”; và còn 1,0% là “Không biết/Không trả lời” (xem biểu đồ 1).

Ứng phó với biến đổi khí hậu được thể hiện ở khả năng những cá nhân trong hộ gia đình lựa chọn cách thức giảm nhẹ các tác động bất lợi do biến

Biểu đồ 1. Nhận thức về BĐKH đang diễn ra ở địa phương theo giới tính NTL (tỷ lệ %)

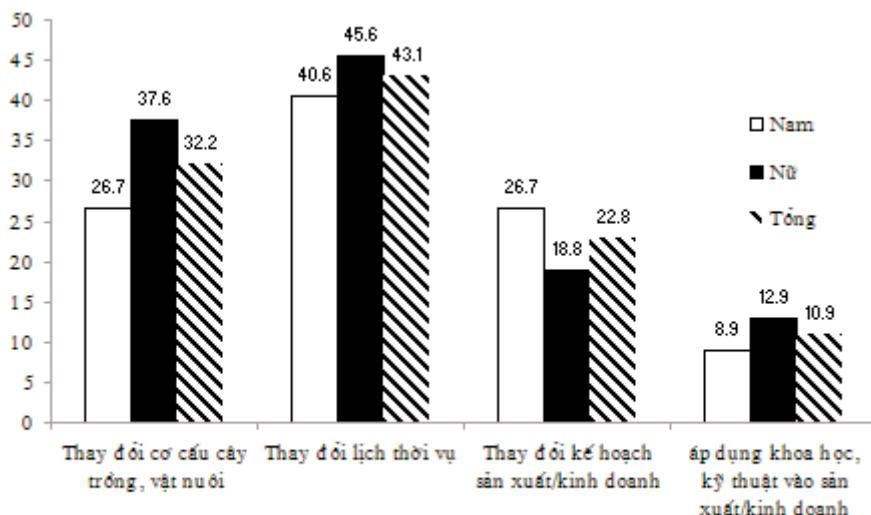


đổi khí hậu gây ra. Biến đổi khí hậu ở địa phương được nhận biết thông qua bão lụt, nhiệt độ tăng, hạn hán, rét đậm, rét hại và xâm nhập mặn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống. Rét đậm, rét hại làm cho năng suất cây trồng giảm, cây sinh trưởng chậm; khô hạn làm giảm năng suất và thiếu nước tưới; sinh vật gây ra dịch bệnh và các loại sâu phá hoại phát triển tốt hơn khi nhiệt độ cao trong điều kiện cung cấp nước tối ưu. Đối với chăn nuôi, BĐKH làm tăng nguy cơ dẫn đến dịch bệnh trên vật nuôi. Những hộ sản xuất nông nghiệp là những hộ có mức độ bị ảnh hưởng nhiều nhất do tác động của BĐKH, có 76,7% số NTL lời cho rằng BĐKH có ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; 71,3% cho rằng BĐKH có ảnh hưởng đến lao động, việc làm, 83,7% NTL cho rằng BĐKH có ảnh hưởng đến sức khỏe. Tỷ lệ phụ nữ cho rằng BĐKH có tác động đến nông nghiệp cao hơn nam giới.

Sự lựa chọn các chiến lược sinh kế của phụ nữ thường phụ thuộc vào những nguồn lực sinh kế mà bản thân họ và hộ gia đình nắm giữ và các yếu tố tác động từ bên ngoài như yếu tố mùa vụ, thời tiết, chính sách và các thể chế tại địa phương. Năng lực thích ứng với BĐKH phản ánh khả năng của một cá nhân, nhóm hay hệ thống xã hội trong việc điều chỉnh hoặc ứng phó với BĐKH nhằm đạt được ba mục tiêu: giảm khả năng bị tổn thương do BĐKH gây ra, giảm nhẹ các thiệt hại có thể xảy ra, tận dụng các cơ hội mới do BĐKH mang lại.

Trong hầu hết các hoạt động ứng phó kể trên (biểu đồ 2), cho thấy tỷ

Biểu đồ 2. Ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất theo giới tính NTL (%)

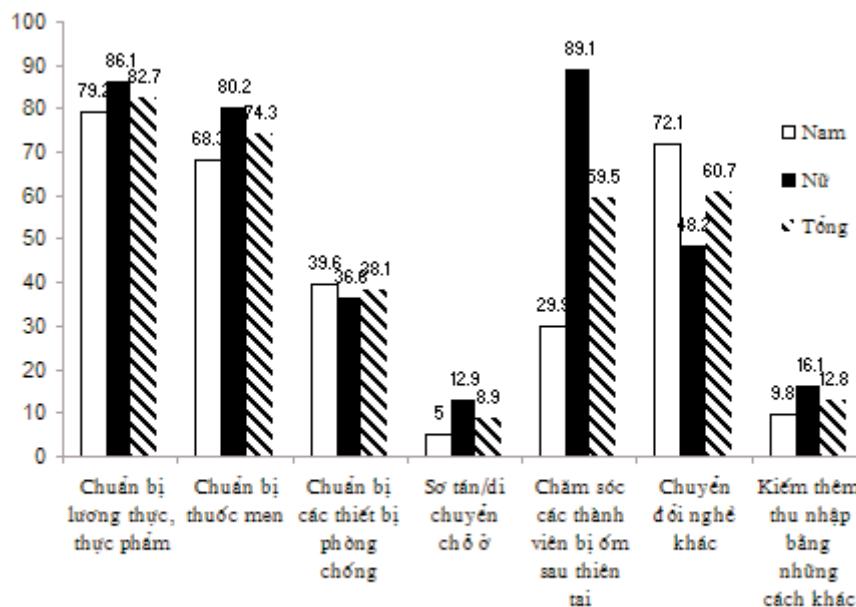


lệ phụ nữ tham gia các hoạt động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu chiếm tỷ lệ khá cao và đáng chú ý là có đến 3 trong 4 hoạt động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu trong hộ gia đình có tỷ lệ phụ nữ tham gia cao hơn nam giới như “thay đổi lịch thời vụ”; “thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi”; “áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất”

Đối với xuất nông nghiệp, việc thay đổi lịch thời vụ được coi là một giải pháp ứng phó quan trọng để đảm bảo sự phát triển của cây trồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy (biểu đồ 2), có 45,6% phụ nữ và 40,6% nam giới lựa chọn giải pháp thay đổi lịch thời vụ để ứng phó với BĐKH; 37,6% phụ nữ và 26,7% nam giới áp dụng giải pháp thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Người phụ nữ cũng đã chú ý hơn nam giới trong hộ gia đình trong các biện pháp bảo vệ cây trồng, bảo vệ vật nuôi bởi dịch bệnh dễ bùng phát khi thời tiết khắc nghiệt, thất thường và gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế cho hộ gia đình và tăng thêm gánh nặng nhiều chiều cho bản thân người phụ nữ. Tuy nhiên, tỷ lệ các hộ gia đình áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nhằm thích ứng với những tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu mới chỉ chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn (10,9%) và tỷ lệ này ở phụ nữ là 12,9%.

Bên cạnh những tác động tiêu cực đến sản xuất kinh doanh, thiên tai và

Biểu đồ 3. Ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trong cuộc sống theo giới tính NTL (%)



biến đổi khí hậu cũng có tác động không nhỏ đến đời sống của hộ gia đình nói chung và người phụ nữ nói riêng.

Kết quả nghiên cứu ở biểu đồ 3 cho thấy phụ nữ đóng một vai trò rất quan trọng trong các hoạt động ứng phó với BĐKH. Sự tham gia của họ chiếm tỷ lệ vượt trội hơn so với nam giới trong phần lớn các hoạt động ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống của hộ gia đình. Họ là những người chịu trách nhiệm chính và đầu tiên trong gia đình chăm sóc các thành viên sau khi thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó, phụ nữ cũng là người đảm nhiệm chính việc chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men và chuẩn bị các đồ dùng cần thiết cho việc sơ tán, chuyển chỗ ở tạm thời khi cần thiết. Trong bối cảnh sinh kế hộ gia đình bị đe dọa, bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu thì phụ nữ cũng chính là người phải xoay sở, kiếm thêm các nguồn thu nhập khác để bù đắp cho những thiếu hụt về kinh tế ngắn hạn và dài hạn của hộ gia đình. Trên thực tế, phụ nữ không chỉ đảm nhiệm chính việc chăm sóc trong gia đình sau thiên tai xảy ra mà cả trước và trong thiên tai. Chính điều này đã tạo nên rào cản khiến hạn chế chính năng lực thích ứng họ trong công việc và nghề nghiệp. Bằng chứng

cho thấy, khi công việc bị ảnh hưởng do thiên tai và biến đổi khí hậu thì nam giới có xu hướng chuyển đổi nghề khác một cách dễ dàng hơn phụ nữ (tỷ lệ nam giới trả lời họ chuyển đổi nghề khác do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là 72,1% trong khi đó của phụ nữ là 48,2%).

“Nam giới không đi biển được thì họ có thể đi nơi khác kiếm việc làm, phụ nữ thì khó hơn, còn gắn với công việc gia đình, con cái nên khó mà đi xa kiếm việc được, chỉ loanh quanh ở gần còn để mắt đến con” (Thảo luận nhóm người dân).

Do những bất bình đẳng giới về phân công lao động việc nhà vẫn phổ biến ở địa phương nên so với nam giới, người phụ nữ chịu tác động nhiều hơn bởi thiên tai và biến đổi khí hậu. Điều này cũng được thể hiện trong kết quả nghiên cứu định tính của đề tài.

“Khi có thông báo bão về, mình phải chủ động đi mua một số nhu yếu phẩm cần thiết như mì tôm, lương khô, muối, gạo rồi cả một số thuốc thông dụng như cảm cúm, thuốc đi ngoài, hạ sốt...để đề phòng sẵn trong trường hợp cần thiết. Đằng nào thì có ai trong gia đình ốm thì cũng đến tay mình chăm sóc thôi, phụ nữ là vậy. Bình thường đã vậy, khi có thiên tai thì công việc tăng lên gấp đôi, gấp ba” (PVS, nữ, làm nông/ngư nghiệp, 42 tuổi)

Kết quả phân tích về ứng phó của người dân ở địa bàn nghiên cứu với biến đổi khí hậu cho thấy người phụ nữ tham gia vào nhiều công việc mang tính chất khắc phục và giảm nhẹ tác động của rủi ro thiên tai và có vai trò rất quan trọng trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và các công việc chăm sóc gia đình, người phụ nữ có tỷ lệ tham gia các hoạt động ứng phó cao hơn so với nam giới.

Các yếu tố tác động đến ứng phó của phụ nữ với BĐKH

Phân tích mô hình hồi quy logistic được chọn để tìm hiểu các yếu tố tác động đến ứng phó của phụ nữ với BĐKH. Với 202 mẫu nghiên cứu định lượng, tác giả đã lọc riêng theo giới tính của người trả lời để phân tích hai mô hình hồi qui về ứng phó của phụ nữ và ứng phó của nam giới với BĐKH.

Biến phụ thuộc được sử dụng trong bài viết là vai trò quyết định ứng phó với biến đổi khí hậu của người phụ nữ/nam giới được xây dựng từ câu hỏi: “Ông/bà có vai trò quyết định việc thay đổi muru sinh/nghề nghiệp nhằm ứng phó với những thay đổi về thời tiết không?”. Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tính toán, chúng tôi mã hóa các phương án trả lời nhận hai giá trị (1)- Nếu người trả lời là “có”; (0)- Nếu người trả lời không/không biết/không trả lời.

Kết quả phân tích mô hình hồi qui đa biến được trình bày trong bảng

86 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 26, số 6, tr. 79-91

1 dưới đây. Số liệu thể hiện trong bảng tương ứng với các phân loại của mỗi biến số là tỷ số chênh lệch giữa tác động của các loại đặc trưng đó đến ứng phó của phụ nữ với thiên tai và biến đổi khí hậu so với tác động của loại đặc trưng dùng để làm đối chứng. Tỷ số cho loại dùng để đối chứng luôn nhận giá trị bằng 1. Nếu tỷ số chênh lệch của một loại đặc trưng trong biến số đó lớn hơn 1, nghĩa là nhóm người mang loại đặc trưng đó có nhiều khả năng có vai trò quyết định trong ứng phó với biến đổi khí hậu cao hơn nhóm người mang loại đặc trưng dùng để đối chứng. Ngược lại, nếu tỷ số chênh lệch của loại đặc trưng nào đó nhỏ hơn 1 thì nhóm người mang đặc trưng đó có vai trò quyết định trong ứng phó với BĐKH

Bảng 1. Mô hình hồi qui logistic: Quyết định ứng phó của phụ nữ và nam giới với biến đổi khí hậu

Biến số độc lập	Tỉ số chênh lệch (Odds Ratios)			
	Nữ Số lượng	Nam Số lượng		
Nghề của vợ	Nông nghiệp 3,6*	69	2,6*	60
	Phi nông nghiệp 1	32	1	41
Nghề của chồng	Nông nghiệp 4,3**	52	4,4**	49
	Phi nông nghiệp 1	49	1	52
Tuổi	21-35 2,4	21	1,1	19
	36-50 3,3**	39	1,2	49
	51-66 1	41	1	33
Học vấn của vợ	THCS trở xuống 0,8	81	0,4*	76
	THPT trở lên 1	20	1	25
Học vấn của chồng	THCS trở xuống 0,7	80	0,7	73
	THPT trở lên 1	21	1	28
Số thế hệ trong gia đình	1-2 thế hệ 0,7	80	0,6	83
	3 thế hệ 1	21	1	18
Nhà ở	Bán kiên cố 1,8	60	0,9	48
	Kiên cố 1	41	1	53
Mức sống hộ gia đình	Dưới TB 0,3	39	0,6	25
	Trung bình 0,6*	39	0,8	37
	Khá 1	23	1	39
Số người trong mẫu		101		101

Mức ý nghĩa thống kê: *p<0,1 **p<0,05 ***p<0,01

thấp hơn so với nhóm người mang loại đặc trưng dùng làm nhóm đối chứng, v.v..⁽²⁾

Biển phụ thuộc được xây dựng trên cơ sở lọc riêng NTL là nam và nữ để phân tích và so sánh hai mô hình phân tích khác nhau về quyết định của phụ nữ và nam giới trong việc ứng phó với BĐKH. Bởi phụ nữ và nam giới có những năng lực khác nhau, kiến thức và kinh nghiệm, kỹ năng... khác nhau trong việc xử lý các thử thách đặt ra của biến đổi không phải là một nhóm người đồng nhất. Mỗi cá nhân luôn có những khác biệt trong cách ứng phó và có các nguồn lực khác nhau để ứng phó với BĐKH.

Kết quả cho thấy phụ nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp có vai trò quyết định trong việc thay đổi để thích ứng với BĐKH cao hơn hẳn so với nhóm phụ nữ làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp với hệ số chênh lệch là 3,6.

Một số các biến số liên quan đến đặc điểm cá nhân và gia đình được đưa vào phân tích như: nhóm tuổi của NTL; học vấn của vợ, chồng; số thế hệ trong hộ gia đình. Phân tích cho thấy nghề nghiệp vẫn là yếu tố có tác động đáng kể đến quyết định ứng phó với BĐKH của NTL. Ngoài ra, NTL trong nhóm tuổi 36-50 có hệ số chênh lệch cao hơn hai nhóm còn lại về khả năng quyết định ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các yếu tố nguồn lực liên quan đến điều kiện vật chất như nhà ở và mức sống hộ gia đình được đưa vào mô hình. Kết quả phân tích trong mô hình hồi quy về ứng phó của phụ nữ với BĐKH cho thấy vai trò quyết định ứng phó với BĐKH của phụ nữ chịu ảnh hưởng hơn cả của yếu tố nghề nghiệp. Vai trò quyết định của họ là cao nhất trong trường hợp cả hai vợ chồng cùng làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Điều này được lý giải rằng, những hộ gia đình mà cả hai vợ chồng làm nông nghiệp do nguồn lực của họ phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu thời tiết nên họ đánh giá được tính chất bấp bênh trong công việc của mình nên có sự chủ động hơn trong quyết định ứng phó với BĐKH của mình. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng phụ nữ là người làm chính các hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, và vì thế họ là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và nhiều nhất của BĐKH; họ là người đánh giá được một cách rõ ràng nhất, cụ thể nhất về những rủi ro, về tính dễ tổn thương trước BĐKH trong công việc của mình; họ nhận thức được những khó khăn trong công việc trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trong điều kiện BĐKH. Chính vì vậy, phụ nữ luôn có những nỗ lực ứng phó một cách tích cực, chủ động và bằng những cách khác nhau.

Xem xét yếu tố nhóm tuổi của NTL cho thấy, nhóm tuổi từ 36-50 vẫn

có hệ số chênh cao hơn đáng kể so với hai nhóm còn lại. Điều này cho thấy những phụ nữ trong độ tuổi 36-50 là những người có nguồn lực tri thức và độ dày kinh nghiệm sống nhiều hơn so với các nhóm tuổi trẻ hơn khác và họ lại có sức khỏe hơn nhóm trên 50 tuổi nên có khả năng ứng phó linh hoạt và năng động động hơn. Điều này cũng được khẳng định trong kết quả nghiên cứu định tính.

“Trước đây em theo chồng đi đánh bắt gân bờ, hai năm gần đây lượng cá, tôm... ít hẳn, đi không ăn thua nên em quyết định ở nhà chăn nuôi kết hợp với nấu rượu và đi vá lưới thuê, chồng đi về được con nào thì em đi bán. Phải linh hoạt như vậy mới đủ sống và nuôi con ăn học” (PVS, nữ, nông dân, 38 tuổi, mức sống trung bình).

Xét về nguồn lực vật chất, nhóm phụ nữ có điều kiện kinh tế khá có ưu thế hơn hai nhóm còn lại, về đánh giá khả năng thực hiện của nhóm này cũng mang tính khả thi hơn bởi vì họ có sự tự tin vào hiệu quả hành động của mình. Bởi như người xưa thường nói “có thực mới vực được đạo” – tiềm năng kinh tế là một ưu thế để người dân dễ dàng hơn trong việc thay đổi và đa dạng hóa sinh kế của mình

“Trước cô cũng làm ruộng và chăn nuôi lợn. Cũng chăm chỉ làm ăn và gặp thuận lợi nên kinh tế cũng có tích lũy được kha khá vốn. Mấy năm gần đây thời tiết thất thường lắm, năm thì nóng quá vào mùa hè, năm thì rét buốt vào mùa đông nên chăn nuôi hay bị bệnh, không có lãi mà không khéo còn lỗ. Trồng rau màu thì lúc hạn thiếu nước, lúc thì mưa dầm dề ngập úng rồi sâu bệnh hoành hành. Trước cũng làm cả rau, khoai, đỗ... nhưng giờ chán chẳng làm nữa. Có tí vốn rồi thì mở cái cửa hàng buôn bán thêm, trồng trọt được thêm ít nào thì được” (PVS, Nữ nông dân + dịch vụ, 48 tuổi; mức sống khá).

Ứng phó với BĐKH của phụ nữ phụ thuộc vào năng lực thích ứng của họ. Năng lực thích ứng ở mỗi nhóm phụ nữ là khác nhau. Năng lực thích ứng về sinh kế hay nguồn lực con người bao gồm các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm, khả năng lao động, sức khỏe và trình độ giáo dục sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng cường hay hạn chế khả năng tiếp cận với xã hội và khả năng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu của con người.

“Những năm trước (trước năm 1997 - 1998) chưa có rừng ngập mặn, mưa bão nhiều, những lúc chồng, con không đi biển được, trồng trọt chăn nuôi bị thất thu là không biết xoay sở thế nào. Nay do cũng được đầu tư học hành nhiều hơn, được tập huấn được tuyên truyền nhiều nên họ biết cách xoay sở hơn trong những tình thế khó khăn. Nhất là phụ nữ, họ biết đa dạng hóa nguồn thu nhập của mình bằng những nghề phụ: bắt cua, vá lưới, đi làm thuê, buôn bán nhỏ...” (Tọa đàm cán bộ xã).

Và phụ nữ vẫn đảm nhiệm công việc sản xuất để kiếm thu nhập cho gia đình. Nếu gia đình có nghề đi biển thì phụ nữ là người đi bán các sản phẩm

mà chồng con đánh bắt được. Thời gian nông nhàn họ tranh thủ đi vá lưới thuê. Trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi phụ nữ chủ động thích ứng với những thay đổi thời tiết thường.

Trước đây thì 6-7 giờ “đi làm đồng cũng được nhưng mấy năm nay, thời tiết nắng nóng bất thường, phải dậy thật sớm, đi làm từ 4-5 giờ và trở về nhà lúc 8-9 giờ sáng để tránh nắng gắt. Trước nắng như hiện nay mà tắm trưa vẫn ở ngoài ruộng là không thể nào chịu được, có người bị say nắng. Thôi thì phải tranh thủ lúc làm được thì làm” (PVS, nữ, làm nông nghiệp, 37 tuổi)

Phụ nữ có vai trò rất quan trọng trong gia đình và là nhân tố tích cực trong ứng phó với BĐKH. Phụ nữ không chỉ đảm nhận công việc sản xuất mà cả công việc tái sản xuất, chăm sóc cho các thành viên về mọi mặt của đời sống, Tuy nhiên, trên thực tế, sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động đã cản trở việc phụ nữ có thể trở thành nhân tố ứng phó hiệu quả với BĐKH. Cụ thể, ở địa bàn nghiên cứu vẫn tồn tại mô hình phân công lao động theo giới truyền thống. Lao động nội trợ, chăm sóc con cái chủ yếu là do phụ nữ đảm nhiệm.

“Công việc nhà, nấu nướng, giặt giũ chủ yếu do chị em chúng tôi làm thôi, các ông ấy đi làm về xong là xong. Việc nội trợ là việc của đàn bà mà. Từ bao lâu nay vẫn vậy” (Thảo luận nhóm nữ).

Do chia sẻ việc nhà không bình đẳng nên rất khó cho phụ nữ tham gia vào cuộc sống cộng đồng. So với nam giới, phụ nữ có xu hướng ít có cơ hội hơn để trang bị cho mình với những kỹ năng mới và nhận thức mới để ứng phó với thiên tai, từ các khóa tập huấn/đào tạo hay thông tin, tham gia vào hệ thống các ủy ban phòng chống lụt bão (xuống tận cấp thôn xóm), v.v..

“Đã có một số lớp tập huấn về tình hình biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu được tổ chức. Tuy nhiên số nam giới tham gia là chủ yếu, phụ nữ còn bận bịu việc gia đình nên số lượng tham gia còn hạn chế” (PVS. Cán bộ Hội Phụ nữ xã).

Một số các nghiên cứu cũng đã chứng minh rằng, sự thích ứng với BĐKH có quan hệ với sự phân công lao động theo giới trong gia đình. Các tác giả cho thấy, tác động của bất bình đẳng giới trong phân công lao động việc nhà và địa vị kinh tế - xã hội thấp của phụ nữ là thách thức cơ bản trong nỗ lực ứng phó với thiên tai và BĐKH (Siri Eriksen, Katrina Brown & Mick Kelly, 2005; Zanele Furasa & Munashe Furusa, 2014; Seema Arora-Jonsson, 2011).

4. Kết luận

Phân tích số liệu điều tra khảo sát tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng

của phụ nữ trong ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Nghiên cứu cũng cho thấy ứng phó với BĐKH của phụ nữ phụ thuộc vào nghề nghiệp của phụ nữ, mức độ ảnh hưởng của BĐKH và năng lực thích ứng của họ. Năng lực thích ứng bao gồm các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm, khả năng lao động và trình độ giáo dục... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng cường hay hạn chế hiệu quả ứng phó của họ.

Do những bất bình đẳng giới vẫn phổ biến, cho nên phụ nữ dễ có khả năng bị ảnh hưởng bởi BĐKH hơn so với nam giới. Phụ nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và nhiều nhất của BĐKH. Phương thức thích ứng chủ yếu để ứng phó với các diễn biến thời tiết bất thường của phụ nữ ở địa phương là phải bỏ công sức lao động ra nhiều hơn và đầu tư chi phí nhiều hơn để bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Việc áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật còn rất hạn chế do trình độ học vấn chưa cao. Phụ nữ thường có xu hướng tự đa dạng hóa nguồn thu nhập của mình để bù đắp nhưng thu nhập bị mất đi do tác động của thiên tai và BĐKH.

Như vậy, để giảm thiểu những tác động tiêu cực và nâng cao được khả năng ứng phó với BĐKH, cần có những nỗ lực cụ thể về thực hiện bình đẳng giới trong công việc gia đình, nâng cao nhận thức và trình độ học vấn cho người dân và phụ nữ nói riêng. Cần đảm bảo rằng các chính sách và hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu mang tính nhạy cảm giới và có thể cải thiện bình đẳng giới. Đưa phụ nữ vào trọng tâm của các hoạt động về biến đổi khí hậu để phát huy được những năng lực của họ, và tạo điều kiện để họ có thể đóng vai trò chủ chốt trong những hoạt động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu ở địa phương.■

Chú thích

⁽¹⁾ <http://www.un.org.vn/vi/feature-articles-press-centre-submenu-252/4169-climate-action-women-hold-the-key.html>

⁽²⁾ Các dấu “*, **, ***” ghi bên cạnh tỷ số chênh lệch cho thấy tác động của loại đặc trưng này có ý nghĩa về mặt thống kê hay không có ý nghĩa về mặt thống kê. Tỷ số được gắn càng nhiều dấu * có nghĩa là tác động của loại đặc trưng đó của biến số độc lập đó với biến phụ thuộc càng quan trọng và ngược lại. Nếu tỷ số không có gắn dấu *, có nghĩa là không có bằng chứng để khẳng định tác động của loại đặc trưng trong biến số độc lập đó có ý nghĩa về mặt thống kê.

Tài liệu tham khảo

OXFAM và UNDP. 2009. *Responding to climate change in Vietnam:*

- Opportunities for improving gender equality. A policy discussion paper.* Ha Noi.
- Seema Arora-Jonsson. 2011. “Virtue and vulnerability: Discourses on women, gender and climate change”. *Global Environment Change*, 21, 744-751.
- Siri Eriksen, Katrina Brown & Mick Kelly. 2005. “The dynamics of vulnerability: locating coping strategies in Kenya and Tanzania”. *The Geographical Journal* 171(4), 287-305.
- UN Việt Nam. 2009. Việt Nam và biến đổi khí hậu: Báo cáo thảo luận các chính sách phát triển con người bền vững.
- UN Việt Nam. 2013. Thống nhất hành động – Báo cáo kết quả 2012.
- UN Việt Nam và OXFAM, 2013. Bản tóm lược gợi ý định hướng chính sách bình đẳng giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thảm họa và tăng trưởng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Zanele Furasa & Munashe Furusa. 2014. “Women’s coping and adaptation capacities in pastoralist communities in Africa: Dealing with climate variability and change”. *Agenda: Empowering women for gender equity*, 28(3), 65-72.
- UN Việt Nam website ngày 05/09/2016. Hành động vì biến đổi khí hậu: Phụ nữ là người nắm giữ giải pháp. <http://www.un.org.vn/vi/feature-articles-press-centre-submenu-252/4169-climate-action-women-hold-the-key.html>.